TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-03-2021
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Khanh;

- Ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: **Ông Châu Kim Sol -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 19/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1995. Địa chỉ nơi cư trú: tổ 10, Ấp P, xã An Phú, huyện T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp P1, xã Đ, huyện P2, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền , lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư Nguyễn Ngọc C – Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1988. Địa chỉ, cư trú trú: tổ 10, Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2011, chị và anh B quen biết, tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau tại tổ 10, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Đến ngày 27/5/2013, chị và anh B đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu sống chung hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2019 vợ chồng chúng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh Bằng ghen tuông vô cớ, đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà, không cho chị vô nhà thăm con. Hiện tại chị phải sống bên cha mẹ ruột; chị đã nhiều lần khuyên bảo, động viên hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mặc khác, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh B còn bất đồng trong quan điểm sống, đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị M xin được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị và anh Bằng có với nhau hai đứa con chung tên Nguyễn Bình Phương N, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Bình Phương D, sinh ngày 09/11/2016, hiện đang sống chung với anh B. Khi ly hôn, chị M giao hai đứa con chung cho anh B nuôi dưỡng và chị M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Chị M khai không có nợ chung.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn anh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ... nhưng chỉ có nguyên đơn chị M có mặt, bị đơn anh B vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị M vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt), Luật sư Nguyễn Ngọc C – Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và gửi cho Tòa án bản Luận cứ); bị đơn anh B có mặt và không ai cung cấp thêm tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh B thống nhất về thời gian, điều kiện tiến đến hôn nhân, nơi đăng ký kết hôn; sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp P, xã A, huyện Tịnh Biên, An Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có mâu thuẫn về chuyện tiền bạc cho mẹ vợ vay, mượn. Mặc khác, do mâu thuẫn giữa những người lớn, sau đó vợ anh là chị M đã bỏ về nhà cha mẹ ở từ năm 2019, sống ly thân đến ngày hôm nay. Trong thời gian sống ly thân, anh B cũng thường xuyên chở các con qua thăm chị M, thăm ngoại nhưng chị M không nói chuyện với anh. Nay, chị M kiên quyết xin ly hôn, thì anh B đồng ý.

- Về con chung : có hai đứa con chung tên Nguyễn Bình Phương N, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Bình Phương D, sinh ngày 09/11/2016, hiện đang sống chung với anh B; khi ly hôn anh xin quyền nuôi con chung và không yêu cầu cô M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh B yêu cầu mẹ của chị M phải trả lại số tài sản đã mượn là số vàng 12 chỉ vàng 24Kra và trả số tiền 14.000.000đ *(mười bốn triệu đồng)* để phân chia tài sản chung.

- Về nợ chung: anh B khai không có nợ chung.

3. Bản Luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền lợ i ích hợp hợp pháp cho nguyên Nguyễn Thị Tuyết M như sau:

Thứ nhất, về hôn nhân: vào năm 2011, chị M và anh B quen biết, tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau tại tổ 10, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Đến ngày 27/5/2013, thì có đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T và được ấp giấy đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2019 vợ chồng chị M, anh B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh B ghen tuông vô cớ, đánh đập chị M và đuổi chị M ra khỏi nhà, không cho chị M thăm con. Chị M phải về sống nhờ bên cha mẹ ruột. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, động viên hòa giải nhưng chị M và anh Bằng vẫn không hàn gắn được. Đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh B đã không còn nên chị M yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Thứ hai, về con chung: Quá trình chung sống, chị M và anh B có với nhau hai con chung tên Nguyễn Bình Phương N, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Bình Phương D, sinh ngày 09/11/2016, hiện nay các con đang sống chung với anh Bằng. Chị M cũng mong muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con khi ly hôn. Tuy nhiên, từ lúc về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì chị M không được gần gủi các con. Và để ổn định cho các con nên chị M đồng ý để hai là con chung tên Nguyễn Bình Phương N, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Bình Phương D, sinh ngày 09/11/2016 cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con. Chị M không cấp dưỡng nuôi con nhưng với trách nhiệm làm mẹ thì chị M sẽ chăm lo tốt nhất để bù đắp cho con.

Mong muốn của chị M phù hợp quy định pháp luật và phù hợp ý chí của anh Bằng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thứ ba, về tài sản chung và về nợ chung: Chị M và anh Bằng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các căn cứ nêu trên, kính mong Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M.

4. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự . Bị đơn anh B chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: nhận thấy hôn nhân giữa chị M và anh B là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình , tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, tại phiên tòa hôm nay anh B cũng đồng ý ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M.

+ Về quan hệ con chung: chị M và anh B hai đứa con chung tên Nguyễn Bình Phương N, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Bình Phương D, sinh ngày 09/11/2016, hiện đang sống chung với anh Bằng. Chị M đồng ý giao con chung cho anh B nuôi dưỡng, anh B có nguyện vọng nuôi con . Để ổn định về mọi mặt của con chung , đề nghị Hội đồng xét xử giao hai đứa con chung cho anh B nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con; quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị M không cấp dưỡng nuôi con và anh B không yêu cầu cấp dưỡng ; về nợ chung thì chị M, anh B cùng khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết;

+ Về tài sản chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh B yêu cầu mẹ của chị M trả lại số vàng 12 chỉ vàng 24Kra và số tiền 14.000.000đ để anh B và chị M chia tài sản chung. Yêu cầu này là yêu cầu mới , sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận công chứng cứ và hòa giải nên không được xem xét giải quyết mà dành quyền khởi kiện cho anh B một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị M và luật sư Nguyễn Ngọc C người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho nguyên đơn (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt); Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị M và anh B được xác lập vào năm 2011, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B được xác lập vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của các đương sự và xác minh tại địa phương thì tình trạng hôn nhân của chị M và anh B có phát sinh mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ 2019 đến nay, không còn qua lại với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh B cho rằng giữa anh và chị M không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên anh B đồng ý ly với chị M. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị M xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: chị M và anh B có hai đứa con chung tên Nguyễn Bình Phương N, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Bình Phương D, sinh ngày 09/11/2016, hiện đang sống chung với anh B. Khi ly hôn chị M giao hai đứa con chung cho anh B nuôi dưỡng, tại phiên tòa anh B xin quyền nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, ổn định môi trường sống, học tập của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai đứa con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy đinh tại các Điều 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh B không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung và chị M cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, anh B yêu cầu mẹ của chị M trả lại số vàng 12 chỉ vàng 24Kra và số tiền 14.000.000đ để anh B và chị M chia tài sản chung. Yêu cầu này là yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa, sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận công chứng cứ và hòa giải nên kh ông được xem xét giải quyết . Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được với nhau thì dành quyền khởi kiện cho anh B một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[8] Bản luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền , lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[09] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chị Nguyễn Thị Tuyết M là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2013, ngày 27/05/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn B được tiếp tục nuôi hai đứa con chung tên Nguyễn Bình Phương N, sinh ngày 07/9/2014 và Nguyễn Bình Phương D, sinh ngày 09/11/2016.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Anh Nguyễn Văn B cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị Tuyết M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0004681 ngày 03 tháng 09 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện;
- UBND xã/ thị trấn nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện;
- Lưu vp, hs.

Châu Nam Phú